

# CÁC NGHIÊN CỨU VỀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THÀNH TỰU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA

Trịnh Quang Cảnh<sup>(1)</sup>

*Chính sách dân tộc là một trong những nội dung quan trọng trong hệ thống chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Nghiên cứu về chính sách dân tộc có nội dung rất rộng lớn, đa dạng nhưng về cơ bản tập trung vào hai nội chính: Một là nghiên cứu những vấn đề lý luận về chính sách dân tộc. Hai là nghiên cứu những khía cạnh cụ thể liên quan đến vấn đề cấp bách vấn đề đặt ra trong chính sách để điều chỉnh và xây dựng chính sách dân tộc qua từng giai đoạn lịch sử phù hợp.*

**Từ khóa:** Chính sách; nghiên cứu chính sách; điều chỉnh; những vấn đề đặt ra; giải pháp và xây dựng chính sách dân tộc.

Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc trong giai đoạn này trở thành nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt. Với các định hướng lớn của Đảng ta từ đại hội lần thứ VI của Đảng, nhiều chính sách từng bước được ban hành. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu chính sách và xây dựng cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách đã được triển khai trên cả bình diện lý luận và bình diện thực tiễn với sự tham gia của nhiều nhà khoa học trên nhiều lĩnh vực: Chính trị học, Luật học, Dân tộc học, Xã hội học, Kinh tế học, Văn hóa học... Các vấn đề nghiên cứu chính sách tập trung trên các khía cạnh: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh.

Ở Việt Nam về vấn đề này nhiều nhà khoa học đã tập trung nghiên cứu làm sáng tỏ sự phát triển lý luận dân tộc của Đảng ta, vị trí vấn đề dân tộc và các nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta như Phan Hữu Dật<sup>1</sup>, Bế Viết Đăng, Không Diên, Lâm Bá Nam...<sup>2</sup>. Nhiều nhà khoa học đã phân tích sự phát triển lý luận dân tộc của Đảng trong việc xác định vị trí của vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng.

Từ Đại VI đến Đại hội XII, Đảng ta luôn xem vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng ta đã đề ra các chủ trương, chính sách dân tộc, với nội dung cơ bản là: “Bình đẳng, tương trợ, đoàn kết giúp nhau cùng phát triển”. Đây là luận điểm rất quan trọng thể hiện tầm nhìn chiến lược và tư duy đổi mới trong bối cảnh quốc gia và quốc tế của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới.

Sau hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, trong quá trình hệ thống hóa các nghiên cứu về

chính sách dân tộc, nhóm nghiên cứu đã thống kê được trên 157 chính sách dân tộc và trên 768 các nghiên cứu về chính sách dân tộc thông qua các mảng nghiên cứu như: Nghiên cứu chính sách theo các lĩnh vực kinh tế - xã hội (398 công trình), Nghiên cứu chính sách theo vùng đặc thù (210 công trình); Nghiên cứu chính sách theo tộc người (127 công trình); nghiên cứu về lý luận chính sách dân tộc (33 công trình), ...

Trong thời gian từ năm 1996 đến nay, nhiều đề tài dự án tại Ủy ban Dân tộc cũng đã được triển khai, gắn trực tiếp với các vấn đề xây dựng chính sách trong điều kiện mới như: *Các quan hệ đất đai và những mâu thuẫn ruộng đất ở vùng nông thôn và vùng núi phía bắc hiện nay*, Nguyễn Văn Huy 1998; *Đánh giá một số tác động ảnh hưởng tới việc giữ gìn và phát triển văn hoá truyền thống các dân tộc*, Chu Tuấn Thanh 2000; *Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ vùng dân tộc và miền núi đến năm 2010*, Nguyễn Hữu Ngà 2000; *Một số cơ sở khoa học của việc xây dựng chính sách phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc và miền núi từ việc tổng kết 12 năm thực hiện Nghị quyết số 22 và Quyết định số 72*, Bế Trường Thành 2001; *Cơ sở khoa học của các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả Quyết định số 186 của Thủ tướng Chính phủ (Đối với hệ thống cơ quan CTDT và miền núi)*, Nguyễn Lâm Thành 2002; *Đổi mới nội dung quản lý Nhà nước và phương thức công tác dân tộc*, Lê Ngọc Thắng 2004; *Kết quả thực hiện Nghị quyết trung ương 7 khóa IX về Công tác Dân tộc và những vấn đề đặt ra*, Trần Trung 2016... Trong đó đáng chú ý là đề tài *Những vấn đề mới trong quan hệ dân tộc ở nước ta* do Phan Văn Hùng làm chủ nhiệm.

Nghiên cứu về chính sách dân tộc trong thời kỳ đổi mới đề cập đến khá nhiều lĩnh vực, từ các vấn đề lý thuyết, quan điểm đến các vấn đề thực tiễn, đặc biệt là các vấn đề mới đang nảy sinh, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ nghèo đói và giảm nghèo đến vấn đề đất đai; từ tái định cư khi xây dựng các công trình trọng điểm đến giải

<sup>1</sup> Phan Hữu Dật: Một số vấn đề về Dân tộc học Việt Nam. NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội 1998

<sup>2</sup> Lâm Bá Nam: Chính sách dân tộc của Đảng trong thời kỳ đổi mới”, *Đảng cộng sản Việt Nam: 80 năm xây dựng và trưởng thành*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.

pháp sinh kế; từ y tế đến giáo dục; từ quan hệ dân tộc đến bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa; từ an sinh xã hội đến đời sống tôn giáo và sự xuất hiện các tôn giáo mới; từ môi trường đến chất lượng dân số; từ hệ thống chính trị đến công tác đào tạo cán bộ; từ biên giới cho đến hải đảo liên quan đến quốc phòng, an ninh... Xuất phát từ yêu cầu hỗ trợ, thúc đẩy nghiên cứu cơ bản, Quỹ Khoa học công nghệ Quốc gia cũng đã hỗ trợ triển khai hàng loạt các đề tài về vấn đề này. Mặc dù vậy, chính sách dân tộc cũng còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu sâu hơn trong tình hình và bối cảnh mới.

Thành tựu nghiên cứu về chính sách là đáng kể và tập trung vào các nội dung sau:

- *Các nghiên cứu tập trung nghiên cứu chính sách dân tộc thực hiện trong từng lĩnh vực và từng địa bàn cụ thể.*

Hướng nghiên cứu này được triển khai khá rộng rãi trong các trường Đại học, các cơ sở đào tạo sau đại học. Các đề tài liên quan đến hướng nghiên cứu này gắn liền với các mã ngành như dân tộc học, lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, chính trị học, xã hội học, kinh tế học, du lịch học, văn hóa học... Tuy nhiên hàm lượng khoa học thấp, ngoại trừ việc cung cấp hệ thống các nguồn tài liệu, tính minh họa vẫn là trọng tâm<sup>3</sup>.

- *Một số đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước liên quan đến chính sách dân tộc được triển khai có hàm lượng khoa học cao nhưng việc công bố lại hạn chế.*

Những ấn phẩm được công bố công khai chưa thể hiện rõ các kết quả nghiên cứu cũng như các đề xuất về chính sách, ví như vấn đề đất đai, tôn giáo, quan hệ tộc người xuyên biên giới, vùng biên giới, những tác động từ bên ngoài, các vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền lãnh thổ quốc gia... và cũng rất khó tiếp cận văn bản do chế độ bảo mật quy định.

Thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước hiện nay đòi hỏi phải đề xuất và làm rõ các quan điểm lý luận về con đường phát triển cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở vùng dân tộc thiểu số, làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách, định hướng và biện pháp trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế... Bối cảnh của giai đoạn này cũng đã làm nảy sinh các vấn đề mới trong quan hệ tộc người và có thể xuất hiện các tộc người mới trong một quốc gia. Nhưng trên thực tiễn các vấn đề cần nghiên cứu này còn bỏ ngỏ, chưa rõ ràng, chưa có định hướng lý luận, cơ sở lý luận trong việc vạch ra các giải pháp cho sự phát triển các dân tộc và vùng dân tộc thiểu số.

Qua quá trình hệ thống hóa, đánh giá các nghiên cứu về chính sách dân tộc, nhóm nghiên cứu nhận thấy những vấn đề cấp bách đặt ra trong nghiên cứu về chính sách và đánh giá chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay, thể hiện cụ thể như sau:

*Thứ nhất, cần nghiên cứu và quán triệt trong xây dựng chính sách dân tộc là phải giải quyết hài hòa giữa lợi ích tộc người và lợi ích quốc gia, giữa phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh.*

Từ những vấn đề dân tộc luôn được coi là vấn đề chiến lược nặng về tính chất chính trị trong các giai đoạn cách mạng trước đây ở nước ta, nay chuyển sang vấn đề chiến lược của chính sách dân tộc mà trọng tâm là về kinh tế và phát triển. Thực sự tôn trọng, coi trọng các dân tộc, đời sống, sinh hoạt của họ cả trong nhận thức lẫn trong việc làm từ chính sách đầu tư, hoạch định các chính sách, đến xây dựng và triển khai các chương trình, dự án (như di dân làm thủy điện, xây dựng các khu công nghiệp ở Tây Nguyên, dự án trồng rừng, quản lý đất đai...). Thực tiễn trên 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới đã tạo nên những biến đổi rất to lớn ở vùng miền núi, dân tộc nhưng cũng có không ít nghịch lý. Trong đó đặc biệt tác động tới đời sống người dân là vấn đề di dân và đất đai. Không thể chỉ xuất phát từ lợi ích quốc gia mà coi nhẹ lợi ích tộc người và đời sống người dân. Trong thời kỳ đổi mới vấn đề di dân diễn ra theo nhiều luồng và nhiều con đường khác nhau mà nguyên nhân là rất đa dạng và phức tạp, trong đó có di dân tự do từ các tỉnh miền núi phía Bắc vào Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Thêm nữa trong thời kỳ công nghiệp hóa, nhiều công trình trọng điểm quốc gia được triển khai và song song với đó là việc di dân theo kế hoạch diễn ra quyết liệt với không ít hệ lụy.

Ở đây cần xem xét thấu đáo cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong đó nguyên nhân chủ quan liên quan trực tiếp đến chính sách và quá trình thực thi chính sách. Liên quan đến vấn đề này là yêu cầu phát triển và phát triển bền vững, trong đó con người và các tộc người là chủ thể

*Thứ hai, đa dạng hóa chính sách trong phát triển*

Từ thực tiễn của đất nước đa dân tộc, mỗi dân tộc có những đặc điểm lịch sử, kinh tế, xã hội, văn hoá riêng dẫn đến việc xây dựng chính sách dân tộc và những chủ trương, biện pháp thực hiện các chính sách đó phải rất đa dạng, phù hợp với từng vùng, từng dân tộc hay nhóm dân tộc; tạo ra nhiều cách lựa chọn, nhiều cách đi, nhiều cách giải quyết đối với mỗi vấn đề, mỗi vùng, mỗi dân tộc. Quan điểm đa dạng hoá các chính sách, biện pháp ở mỗi vùng, mỗi dân tộc, nhóm dân tộc là đa dạng hoá các mục tiêu, chỉ tiêu, các biện pháp của các chương trình quốc gia, các dự án ở các cấp độ khác nhau trong các không gian, thời điểm, đối tượng khác nhau để cùng đạt mục tiêu chung. Cần nghiên cứu các chính sách về xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân mức sống của nhân dân các dân tộc, xây dựng xã hội phân vinh, công bằng, văn minh trong điều kiện mới.

Khi nói đến đa dạng hóa cần phải xem xét tổng thể từ lịch sử và quá trình tộc người đến quan hệ tộc người, từ các đặc trưng sinh hoạt kinh tế - văn hóa xã hội đến ý thức tộc người, từ không gian sinh

<sup>3</sup> Ví dụ các đề tài mã ngành Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam về vấn đề này thường theo một khuôn mẫu: Đảng bộ X. (tên một địa phương cụ thể) lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc từ năm ... đến năm...

tồn đến tâm lý tộc người. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi nói chuyện với các cán bộ làm công tác tuyên giáo đã lưu ý về tính đặc thù khi tuyên truyền đối với các dân tộc. Người nói: một tỉnh có người Thái, người Mèo thì tuyên truyền vận động người Thái phải khác với người Mèo. Đây là vấn đề có ý nghĩa lớn đối với việc thực thi và đưa chính sách vào cuộc sống. Chúng ta đánh giá cao tính đa dạng văn hóa và tộc người nhưng không thể không lưu ý đến tính đặc thù, đến tính không đều về trình độ phát triển ở một số tộc người và nhóm địa phương nhất là trong việc hoạch định và thực thi chính sách.

*Thứ ba, đánh giá tổng kết chính sách dân tộc*

Cho đến thời điểm hiện nay, việc đẩy mạnh nghiên cứu, phân tích chính sách và các biện pháp thực hiện các chính sách để rút ra những bài học về thành công trong việc thực hiện chính sách dân tộc, đặc biệt phân tích và rút ra những bài học kinh nghiệm trên thực tiễn về cách triển khai rập khuôn, máy móc không phù hợp với thực tiễn vùng dân tộc và từng dân tộc đã trở thành vấn đề cấp thiết.

Vấn đề dân tộc là vấn đề lớn và đã được ghi nhận qua các văn kiện của Đảng và pháp luật của Nhà nước nhưng điều quan trọng có vị trí không nhỏ là quá trình nghiên cứu phân tích đánh giá chính sách khi đưa chính sách vào cuộc sống. Đã đến lúc cần rà soát lại hệ thống chính sách đối vùng các dân tộc thiểu số. Ví như chính sách vay vốn, tín dụng; chính sách trợ giá trợ cước; các chính sách về giáo dục, về an sinh xã hội; chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; chính sách xóa đói giảm nghèo ... Trên thực tế vấn đề nghèo đói vẫn là căn bệnh trầm kha ở khu vực các dân tộc thiểu số, nhất là ở các tỉnh vùng cao phía Bắc (Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hà Giang...). Trong nhận thức chung chúng ta thường thống nhất đánh giá: chính sách về cơ bản là đúng nhưng quá trình thực hiện triển khai chính sách bộc lộ những hạn chế. Nhận thức đó chưa bao đảm tính khách quan. Nhiều chủ trương chính sách nặng về định hướng và mang tính mong muốn duy lý, ví như chính sách và kế hoạch tiến hành định canh định cư triển khai từ năm 1968 và trong buổi đầu thời kỳ đổi mới chúng ta dự kiến đến năm 1990 hoàn thành về cơ bản.

Việc phân tích và đánh giá chính sách hiện nay là yêu cầu bắt buộc và theo chúng tôi đã đến lúc cần có tổng kết toàn diện về vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc trên cả bình diện lý luận và thực tiễn thời kỳ hiện đại ở nước ta đáp ứng yêu cầu của thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập.

Vấn đề dân tộc như chúng ta đã biết là phạm trù lịch sử, có tính bền vững cao nhưng lại là vấn đề luôn luôn vận động và gắn liền với quá trình phát triển của mỗi quốc gia dân tộc. Nghị quyết TW 7 (Khóa IX) chuyên đề về vấn đề dân tộc được ban hành đã đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn đầu của thời kỳ công nghiệp hóa nhưng mới chỉ đề cập đến các nguyên tắc và chính sách trước mắt và do đó việc tổng kết về vấn đề này có ý nghĩa then chốt trong việc hoạch định chính sách dân tộc và trong

chiến lược phát triển của cách mạng nước ta.

*Thứ tư, Nghiên cứu các chính sách về bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc phục vụ phát triển bền vững.*

Khi nói đến tộc người là nói đến văn hóa và bản sắc. Nói như GS. Nguyễn Hồng Phong, văn hóa là bộ gien xã hội của mọi dân tộc và do đó văn hóa đóng vai trò sống còn liên quan đến sự tồn vong của mọi tộc người. Không phải ngẫu nhiên mà chiến lược phát triển của Nhật Bản từ Minh Trị Duy tân được xác định là: công nghệ phương Tây, đạo lý Nhật Bản và đó là chiếc chìa khóa thần kỳ đưa Nhật Bản vươn lên trở thành một cường quốc.

Di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam là rất đồ sộ. Trong nhiều năm qua chúng ta đã tiến hành nhận diện di sản này và đã có những thành công nhất định. Tuy nhiên những thành tựu này mới chỉ là bước đầu. Bài học kinh nghiệm ở một số quốc gia và đặc biệt là Trung Quốc cho thấy cần phải tiến hành tổng kiểm kê, đánh giá toàn bộ di sản văn hóa của mỗi tộc người bằng các công nghệ hiện đại, trên cơ sở đó tiến hành khai thác phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước.

Văn hoá và các giá trị truyền thống (không phải chỉ là giáo dục, hay các hình thức bên ngoài của văn hoá như trang phục, nghi lễ, các kiểu nhà ở...) của các dân tộc cần được coi trọng là động lực phát triển kinh tế - xã hội ở các dân tộc, các vùng. Việc xây dựng bất cứ chương trình, dự án phát triển nào cũng cần phải quán triệt quan điểm thực sự kế thừa và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc, của mỗi dân tộc; phải có cái nhìn xuất phát từ nền văn hoá của mỗi dân tộc, mỗi vùng; chúng ta cần có quan điểm nghiên cứu và kế thừa một cách thực sự những ứng xử văn hoá, những kiến thức, tri thức địa phương, hệ thống quản lý cộng đồng truyền thống của mỗi dân tộc trong phát triển.

*Thứ năm, về chủ thể văn hóa và chủ thể phát triển trong quá trình xây dựng và triển khai chính sách*

Thực tế phát triển cho thấy chủ thể dân tộc thiểu số, chủ thể kinh tế, xã hội, văn hoá có vai trò, tiếng nói quyết định đối với sự phát triển của mình thông qua các chương trình, dự án và do đó trong chiến lược phát triển hiện nay phải xây dựng quan niệm về chủ nhân, chủ thể văn hoá. Quan niệm và chỉ đạo thực hiện phải làm cho người dân thực sự có tiếng nói quyết định, không áp đặt dưới mọi hình thức đối với vấn đề phát triển của từng dân tộc, từng cộng đồng.

Một trong những đặc điểm của cộng đồng các dân tộc ở nước ta là sự phát triển không đều về kinh tế xã hội. Xuất phát điểm đi lên của các dân tộc rất khác nhau và đặc biệt đối với nhiều dân tộc khá xa lạ với nền sản xuất công nghiệp và nền kinh tế hàng hoá vận hành trong cơ chế thị trường ở nước ta hiện nay. Vì vậy, đối với các dân tộc một mặt đòi hỏi cùng một lúc phát triển về nhiều phương tiện, nhưng mặt khác lại không thể cùng một lúc đưa quá nhiều cái mới, cái lạ vào vùng dân tộc, buộ



họ phải thực hiện ngay. Đó là mâu thuẫn trong sự phát triển. Cho nên thiết kế quan điểm về phát triển nông thôn vùng dân tộc thiểu số phải đứng vững trên quan điểm tiến hành dân dần từng bước vững chắc, không nóng vội.

Vấn đề quan trọng chủ yếu là chủ thể phải tự nhận thức, tự thấy nhu cầu phải đổi mới, thay đổi và phát triển. Nhà nước, các tổ chức xã hội, phi chính phủ không được gò ép, làm thay, áp đặt. Xây dựng tự ý thức của mỗi người dân đối với sự phát triển là yêu cầu sống còn đối với phát triển của mỗi dân tộc.

Cần có hệ thống nghiên cứu, phân tích chống quan điểm tự ty dân tộc, thiếu lòng tin vào khả năng vốn có của con người, tự cảm thấy thấp kém, bất lực với chính mình trước nền kinh tế thị trường, xã hội công nghiệp, muốn rập khuôn, bắt chước theo mô hình của những dân tộc phát triển hơn, tự đánh giá thấp những giá trị văn hoá truyền thống của mình. Xây dựng, khuyến khích lòng tự hào về nền văn hoá của dân tộc mình, bắt đầu từ những thành tố văn hoá nhỏ nhất cho đến hệ thống kiến thức địa phương, hệ thống quản lý cộng đồng truyền thống, hệ thống và các quan hệ kinh tế ở miền núi. Xây dựng quan điểm về việc tăng cường huy động nội lực xã hội và tinh thần của các dân tộc tự lực, tự sáng tạo, từ đó đề ra những chính sách phù hợp đối với thực tiễn phát triển của các tộc người.

*Thứ sáu, đánh giá và xây dựng cơ sở lý luận cho việc thiết kế hệ thống các chương trình quốc gia, các dự án trong mục tiêu phát triển trước mắt cũng như lâu dài bao gồm:*

- Chính sách và giải pháp phát triển vùng sâu, vùng xa, những xã đặc biệt khó khăn trên cơ sở tổng kết các chương trình 134, 135...

- Chính sách và giải pháp xoá đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của người dân và phát triển kinh tế xã hội ở vùng các dân tộc. Xây dựng chiến lược đa dạng hoá các nguồn thu nhập nhằm nâng cao mức sống gia đình.

- Xây dựng hệ thống quan điểm lý luận, chính sách phát triển lâm nghiệp; vấn đề quản lý và sử dụng đất ở vùng dân tộc. Xây dựng hệ thống quan điểm đối với các dân tộc thiểu số, miền núi về chính sách đối với người sử dụng đất, rừng; về chủ sở hữu đất, rừng và các phương thức quản lý cộng đồng đối với đất, rừng; quan hệ giữa bảo vệ rừng và quyền sử dụng rừng; về tỷ lệ giao rừng cho hộ và các đơn vị nhà nước.

- Xây dựng hệ thống quan điểm lý luận, chính sách và giải pháp về vấn đề tín dụng, vốn cho các dân tộc và miền núi.

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách giải quyết vấn đề phát triển thị trường như một chiến lược phát triển kinh tế chủ yếu ở miền núi, đặc biệt ở những nơi chưa có chợ; vấn đề tiêu thụ sản phẩm tránh hiện tượng biến nông thôn miền núi trở thành phòng thí nghiệm không lồ.

- Xây dựng hệ thống quan điểm lý luận, chính sách và giải pháp về an sinh xã hội, vấn đề sức khỏe

cộng đồng, y tế phù hợp với điều kiện các dân tộc và miền núi.

- Vấn đề đưa tiến bộ kỹ thuật vào vùng dân tộc trong điều kiện cần được nghiên cứu phù hợp với môi trường địa lý tự nhiên, điều kiện sinh thái và con người các dân tộc thiểu số.

- Xây dựng các chính sách trong chương trình xây dựng nông thôn mới đối với vùng dân tộc thiểu số, không thể dập khuôn.

*Thứ bảy, nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển con người và đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, đa dạng hoá việc xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số để có thể phát huy có hiệu quả nội lực của các dân tộc:*

Vấn đề phát triển con người và nguồn nhân lực là một trong những vấn đề có nội dung tổng hợp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, có vị trí quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

- *Về chất lượng dân số:* Khi nói đến nguồn lực con người phải tính đến chất lượng dân số mà trước hết phải tính đến các điều kiện phát triển con người về thể lực (thể năng), một trong các thành tố rất quan trọng trong chiến lược phát triển con người. Nhanh chóng từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết (một số dân tộc), tệ nạn xã hội, tập quán sinh hoạt không còn phù hợp, tình trạng thiếu vệ sinh; chống suy dinh dưỡng cho trẻ em; bảo vệ và chăm sóc sức khỏe phụ nữ... để đảm bảo duy trì, phát triển giống nòi theo hướng nâng cao chất lượng dân số và thể lực cho đồng bào; có chính sách và biện pháp đặc biệt đối với một số dân tộc có dân số ít (dưới 5000 người hoặc 1 vạn người). Mặc dù đã có những chính sách về vấn đề này nhưng thiếu đồng bộ khi đặt vấn đề nguồn lực trong tổng thể phát triển.

*Về điều kiện và môi trường phát triển nguồn nhân lực:* Miền núi và vùng các dân tộc thiểu số là khu vực giàu tiềm năng và có vị trí đặc biệt trong quá trình công nghiệp hóa nhưng cũng có không ít khó khăn trong quá trình phát triển. Mặc dù, các chương trình, dự án đã mang lại kết quả bước đầu, nhưng cơ sở hạ tầng còn quá nhiều khó khăn, môi trường sinh thái bị suy thoái nghiêm trọng<sup>4</sup>. Cơ sở hạ tầng dù bước đầu đã được cải thiện nhưng còn nhiều bất cập. Nhiều vấn đề như: giao thông, điện, thủy lợi, nước sạch, trường học, bệnh viện, vệ sinh môi trường, điều kiện sản xuất, thông tin ... đang là những trở ngại trước yêu cầu công nghiệp hóa. Chính vì vậy, việc giải bài toán phát triển nguồn nhân lực không thể thực hiện một cách đơn tuyến từng lĩnh vực mà điều quan trọng là tạo ra các điều kiện và cơ hội để phát triển con người một cách toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

- *Về giáo dục đào tạo:* Để phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, công tác giáo dục, nâng cao dân trí, gắn liền với các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh có vị trí đặc

<sup>4</sup> Trong nhiều năm qua do nhiều nguyên nhân, môi trường tự nhiên ở vùng miền núi, dân tộc đang bị suy thoái ở mức báo động, diện tích rừng bị thu hẹp, đất canh tác bị suy thoái nghiêm trọng.

biệt quan trọng. Mặc dù vậy, công tác giáo dục, đào tạo còn có nhiều bất cập. Do đó, trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực trình độ cao cần tập trung giải quyết một số vấn đề có ý nghĩa then chốt sau đây: *Một là*, Táo bước đột phá về giáo dục phổ thông trước hết là xóa mù và tái mù chữ và tiếng phổ thông. Đây là chiếc chìa khóa để tạo nguồn và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Mô hình trường bán trú dân nuôi ở vùng cao cần được nhân rộng với sự đầu tư của nhà nước. *Hai là*, cần hiện thực hóa khẩu hiệu “trường ra trường, lớp ra lớp” ở khu vực các dân tộc thiểu số. Việc thực thi vấn đề này không thể coi là thực hiện chính sách xã hội mà trên thực tế phải được xác định là thực hiện chính sách dân tộc - vấn đề chiến lược của cách mạng. *Ba là*, trong hệ thống giáo dục quốc dân cần nghiên cứu và xây dựng các loại hình nhà trường phù hợp với điều kiện cụ thể của con em các dân tộc thiểu số như đa dạng hóa loại hình đào tạo. Cần nghiên cứu, tổng kết chính sách hệ dự bị trong các trường đại học, cao đẳng và trong hoàn cảnh cụ thể có thể mở hệ này cả trong các trường trung cấp chuyên nghiệp, hệ thống trường chính trị, lực lượng vũ trang. Đề triển khai hiệu quả vấn đề này cần xác định rõ Cung và Cầu của nguồn nhân lực theo các ngành nghề, tránh đào tạo tràn lan và không tính đến các lĩnh vực cần có của vùng các dân tộc và thiểu số trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. *Bốn là*, Xuất phát từ chiến lược phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi dân tộc, trên cơ sở tính đặc thù cần xác định nhu cầu nhân lực của từng vùng, từng dân tộc để trên cơ sở đó xây dựng các loại hình và mô hình đào tạo. *Năm là*, Cùng với việc nâng cao dân trí, phải từng bước phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và tầng lớp trí thức người dân tộc thiểu số. Xây dựng tầng lớp trí thức chính là xây dựng đội ngũ tinh hoa cho các dân tộc thiểu số.

- *Nghiên cứu chính sách quản lý nguồn nhân lực*: Song song với việc đào tạo, việc quản lý và sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo cũng có vai trò và vị trí không kém. Cần làm rõ cơ chế chính sách trong sử dụng nguồn nhân lực theo hướng không tách rời giữa đào tạo và sử dụng khi nhà nước đầu tư để phát triển nguồn nhân lực tại chỗ. Vấn đề đặt ra ở đây là đầu tư có kiểm soát, đầu tư có định hướng gắn với địa chỉ và nhu cầu sử dụng, đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ cao. Trên thực tế chúng ta chưa có cơ chế chính sách về vấn đề này và trong một thời gian dài đã buông lỏng trong quản lý sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao.

Để giải quyết và đáp ứng các yêu cầu cấp bách và nhiệm vụ trên đây, chúng tôi đề xuất một số giải pháp cơ bản sau:

### 1. Giải pháp nhằm phát triển nâng cao thể lực và môi trường sống cho các tộc người

+ Giải pháp này gắn liền với những chủ trương chiến lược phát triển kinh tế- xã hội như làm tốt chương trình xóa đói, giảm nghèo một cách căn bản và bền vững, từng bước cải thiện đời sống con người; thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo hiểm

xã hội, đẩy mạnh công tác kế hoạch hóa gia đình, đẩy lùi các tệ nạn và tập quán không phù hợp; xây dựng nếp sống vệ sinh.

+ Tập trung mọi nguồn lực để giải quyết bền vững vấn đề định canh định cư đối với một số tộc người, gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; kiểm soát và điều chỉnh việc di cư tự do làm ảnh hưởng tới môi trường và quan hệ dân tộc, đảm bảo quyền lợi của dân tại chỗ, tránh những tác động tiêu cực từ cơ chế thị trường để đồng bào các dân tộc làm chủ và có đủ cơ hội để xây dựng và phát triển quê hương.

+ Nghiên cứu, xây dựng mô hình thiết chế văn hóa ở vùng dân tộc thiểu số, vận dụng quy chế văn hóa cơ sở cho phù hợp với đặc điểm của từng vùng dân tộc thiểu số, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, truyền thống và đổi mới.

+ Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em trên cơ sở đặc thù từng vùng và từng dân tộc, ngăn chặn nguy cơ suy thoái giống nòi (trước hết là đầu tư cho hệ thống nhà trẻ mẫu giáo về cơ sở vật chất về điều kiện nuôi dạy, đảm bảo chế độ dinh dưỡng để con em các dân tộc có điều kiện cơ hội phát triển về thể lực với những chính sách cụ thể).

+ Tạo điều kiện để trẻ em và thanh thiếu niên được hưởng thụ văn hóa và phát triển trong môi trường văn hóa ( cơ sở vật chất cho các hoạt động thể thao, vui chơi giải trí, nước sạch, vệ sinh ...); đưa chương trình giáo dục môi trường vào trong nhà trường để học sinh sớm hình thành kỹ năng và nhận thức về vai trò của môi trường đối với sức khỏe con người, yêu cầu về giữ gìn môi trường (cả môi trường tự nhiên và xã hội).

### 2. Giải pháp về phát triển giáo dục đào tạo vùng dân tộc thiểu số

+ Nhanh chóng khắc phục hiện tượng thiếu trường lớp và giáo viên các cấp học ở vùng dân tộc và miền núi; sớm đạt chuẩn về cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục.

+ Bằng mọi cách phải phổ cập rộng rãi tiếng Việt trong đời sống. Tại một số vùng như Tây Nguyên phải kết hợp song ngữ và triển khai cho học sinh nói và viết tiếng Việt từ cấp tiểu học và do đó phải xây dựng và đổi mới chương trình tiếng Việt cho phù hợp, tránh hiện tượng mù chữ, mù nghĩa tiếng phổ thông để từng bước đưa các thông tin truyền thông vào cuộc sống.

+ Mở rộng và nâng cao hiệu quả và chất lượng của các trường dân tộc nội trú các cấp. Trước mắt có thể đáp ứng ít nhất 50% con em các dân tộc được tham gia hệ đào tạo này. Song song với việc mở rộng về quy mô phải chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, tránh hiện tượng chạy đua thành tích và con số. Chính hệ thống các trường này là cơ sở để tạo nguồn đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao.

+ Mở rộng và phát triển hệ thống trường dạy nghề trên cơ sở căn cứ vào yêu cầu phát triển của từng vùng, từng dân tộc, khai thác thế mạnh của các

địa phương và nhu cầu của nguồn nhân lực, tránh việc mở trường và đào tạo tràn lan không xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn.

+ Cải tiến chế độ cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, đảm bảo đúng đối tượng, đúng yêu cầu, đúng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đảm bảo các nhu cầu cần thiết để con em được cử tuyển yên tâm học tập và làm việc sau đào tạo; có chế độ sử dụng thích hợp, tránh hiện tượng cử tuyển để phục vụ nguồn nhân lực cho các vùng khác. Cần nghiên cứu lại chế độ ưu tiên công điểm và miễn thi vào các trường cao đẳng, đại học và tuyển sinh sau đại học như hiện nay, từng bước kết hợp giữa ưu tiên với việc tạo điều kiện để con em các dân tộc thiểu số vươn tới trình độ đạt chuẩn chung.

+ Nhà nước cần có chính sách miễn học phí, cấp sách giáo khoa cho con em các dân tộc thiểu số trong hệ phổ thông, đồng thời hỗ trợ về sinh hoạt tại các trường dân tộc nội trú (chu cấp toàn bộ đối với con em vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và các dân tộc có dân số dưới 5000 người). Do đó cần chấn chỉnh lại các trường dân tộc nội trú theo hướng chất lượng cao.

Trong quá trình đào tạo cần thường xuyên phát hiện tài năng trẻ, phát hiện sở trường, năng khiếu của học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số, tăng cường bồi dưỡng cho các em thực sự trở thành nhân tài của các dân tộc thiểu số.

+ Tạo nguồn để xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý lãnh đạo là người dân tộc thiểu số cả về tri thức khoa học và bản lĩnh chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và văn nghệ sĩ người dân tộc thiểu số; chú trọng tính cân đối về tộc người và khu vực và các chính sách đặc thù.

### 3. Thực hiện đồng các giải pháp về chính sách dân tộc

+ Trước hết cần đẩy mạnh và khẩn trương nghiên cứu về chính sách phát triển bộ máy làm công tác dân tộc từ trung ương cho tới địa phương. Đây là vấn đề được trao đổi từ rất sớm nhưng việc đổi mới hệ thống này còn nhiều vấn đề đặt ra. Ở Việt Nam, việc thiết kế phải đảm bảo vai trò chỉ đạo, điều hành từ Trung ương Đảng đến Chính phủ.

+ Trên cơ sở mô hình Học viện Dân tộc cần

nghiên cứu triển khai mô hình này tại các vùng miền trong cả nước.

+ Nghiên cứu thành lập quỹ phát triển nguồn nhân lực hoặc quỹ phát triển văn hóa và nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, đầu mối là Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Ủy ban Dân tộc.

+ Đầu tư phát triển các đại học vùng dân tộc thiểu số như: Tây Bắc, Tây Nguyên theo cơ chế đặc thù để trở thành các đại học tiên tiến đạt thuộc tốp cao trong nước. Kinh nghiệm của một số quốc gia trong khu vực như Trung Quốc không thể không lưu ý khi chúng ta triển khai định hướng này.

Nghiên cứu, xây dựng chính sách về các vấn đề trên đây cũng chính là giải quyết thành công vấn đề dân tộc, nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trên cơ sở các nguyên tắc: Bình đẳng, tương trợ, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc.

*\* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp quốc gia: Hệ thống hóa và đánh giá các nghiên cứu về chính sách dân tộc của Việt Nam từ năm 1986 đến nay, mã số CTDT.06.16/16-20.*

### Tài liệu tham khảo

[1] Đặng Thành Đạt (2007), *Nghiên cứu so sánh chính sách dân tộc của Trung Quốc và Việt Nam thời hiện đại*. Luận án TS chuyên ngành Dân tộc học, thực hiện và bảo vệ tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

[2] Lâm Bá Nam, “Về các đặc điểm cơ bản của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và chính sách dân tộc”, Báo cáo tại Đại hội Nhân học thế giới tại Côn Minh, 8/2009;

[3] Phan Hữu Dật (1998), *Một số vấn đề về Dân tộc học Việt Nam*. NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội;

[4] Trịnh Quang Cảnh đề tài cấp bộ 2016 : Điều tra, đánh giá kết quả thực hiện một số chương trình dự án, chính sách giai đoạn 2011-2015 do Ủy ban Dân tộc quản lý;

[5] Trịnh Quang Cảnh đề tài cấp bộ 2017: Đánh giá hiệu quả của nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất trong một số chương trình dự án do Ủy ban Dân tộc quản lý.

## RESEARCHS ON ETHNIC POLICY ACHIEVEMENTS AND MATTERS BEING ISSUED

Trinh Quang Canh

**Abstract:** Ethnic policy is one of the important contents in the policy system of the Party and State. Research on ethnic policy has a very broad, diverse content but basically focuses on two main contents: Firstly studying the theoretical issues of ethnic policy. Secondly studying the specific aspects related to the urgent matter in the policy for adjusting and constructing ethnic policies through appropriate historical periods.

**Keyword:** Policy; policy research; adjusting; issued matters; solutions and policy construction.